

UNIT 2:**LIFE IN THE COUNTRYSIDE****A CLOSER LOOK 2****I/ NEW WORDS:**

- opportunity	(n) : cơ hội
- access to	(v) : truy cập
- facility	(n) : CSVC, đk thuận lợi
- catch up	(v) : đuổi kịp, bắt kịp
- optimistically	(adv): lạc quan, y.đời
- react	(v) : tác động trở lại
- obtain	(v) : đạt được, giành được
- plough	(v) : cày
- calculus	(n) : phép tính
- country folk	(n) : người nông thôn
- city folk	(n) : người thành phố
- rural area	(n) : vùng nông thôn
- remote area	(n) : vùng xa xôi, hẻo lánh
- exam score	(n) : điểm thi